CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

Ngày 30/06/2025	6,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.0%	**0%**	**1.6%**

DT thuần
Q2/25
944
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 252| 36.5%
YoY: ▼1,217| -56.3%

LN thuần
Q2/25
-103
tỷ VNĐ
QoQ: ▼103| -79394%
YoY: ▼338| -144%

LN sau thuế
Q2/25
46.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 40.6| 753%
YoY: ▼727| -94.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
15.2%
YoY: +/-▼ 0.1%

ROE (TTM)
Q2/25
4.4%
YoY: +/-▼ 79.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,257
Số lượng CPLH (CP)	347,213,270
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,204,025
Sở hữu nước ngoài	10.7%
Beta	1.66
EPS	220
P/E	29.6

DT thuần
6T 2025
1,636
tỷ VNĐ
YoY: ▼2,176| -57.1%

LN thuần
6T 2025
-103
tỷ VNĐ
YoY: ▼390| -136%

LN sau thuế
6T 2025
51.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼779| -93.8%

Cơ cấu sở hữu

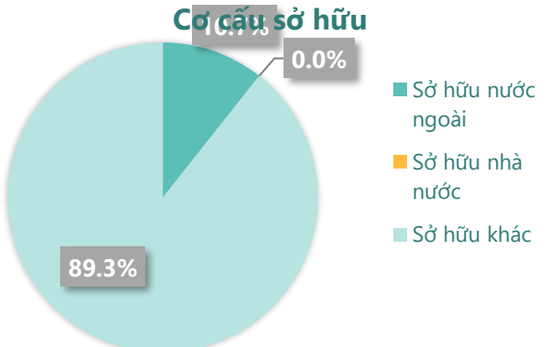

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

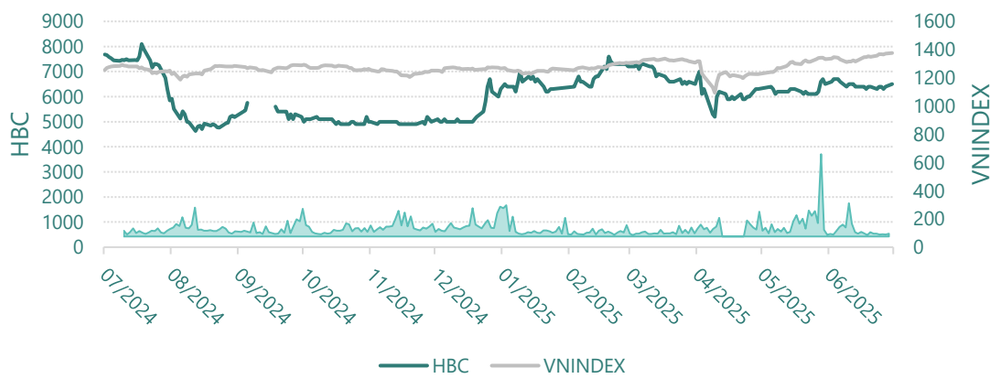

Cơ cấu cổ đông

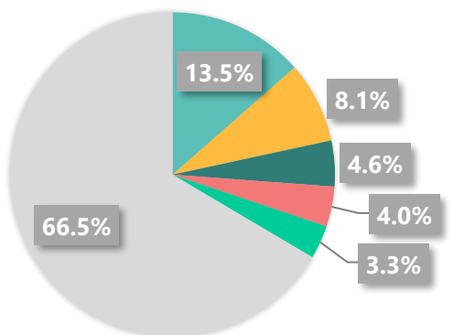

- Lê Viết Hải (Chủ tịch HĐQT)
- Hyundai Elevator Co., Ltd
- Korea Investment Management Co., Ltd
- KIM Vietnam Growth Equity Fund
- PYN Elite Fund (Non-Ucits)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

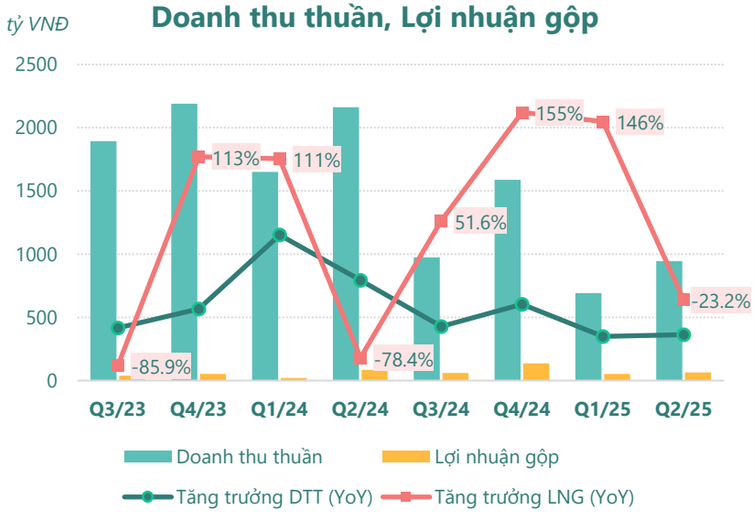

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

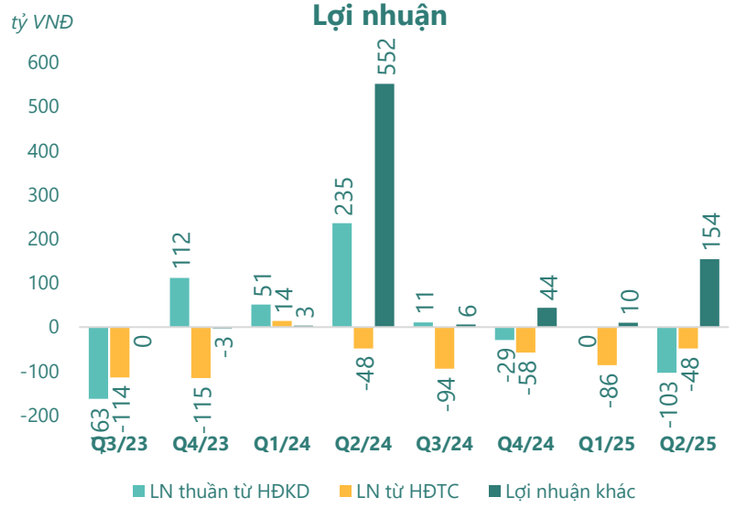

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

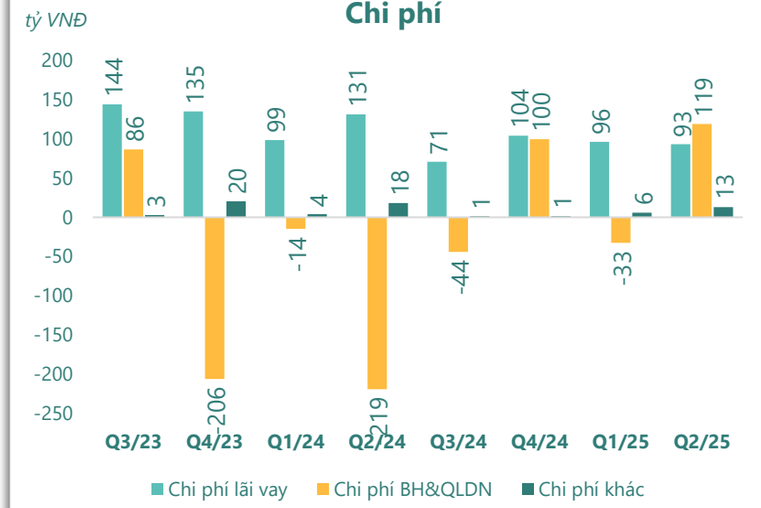

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

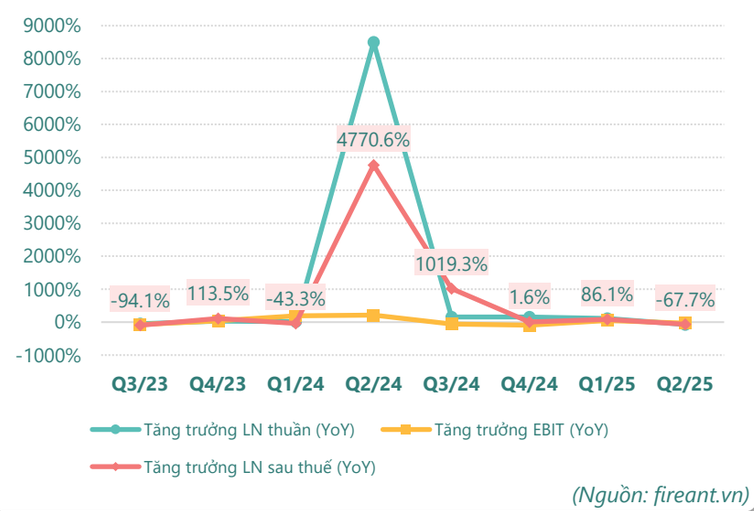

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

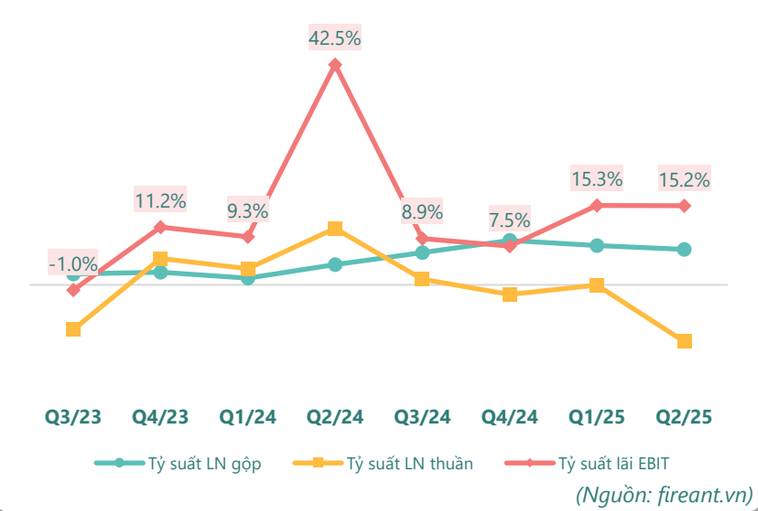

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

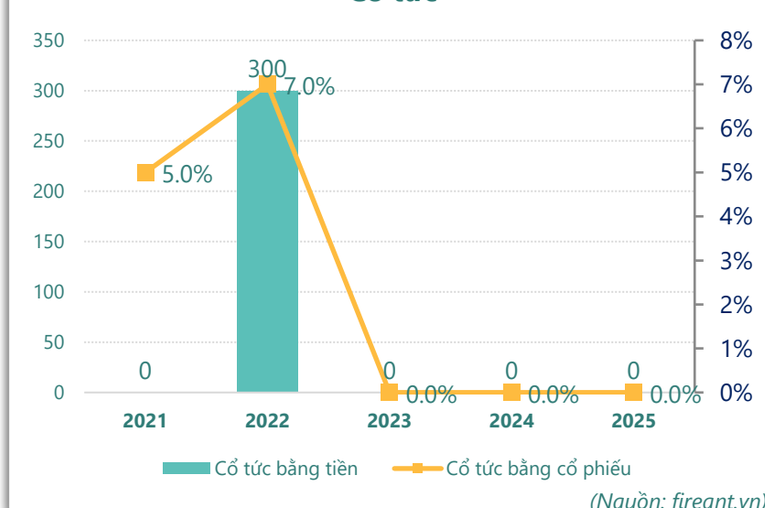

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

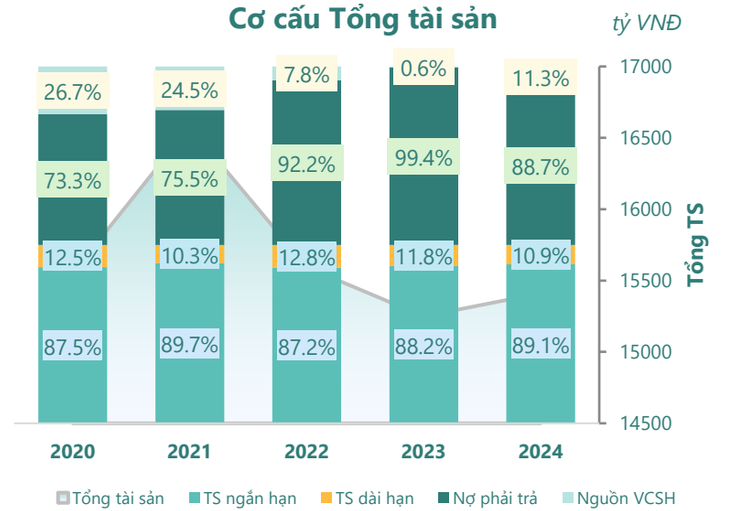

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

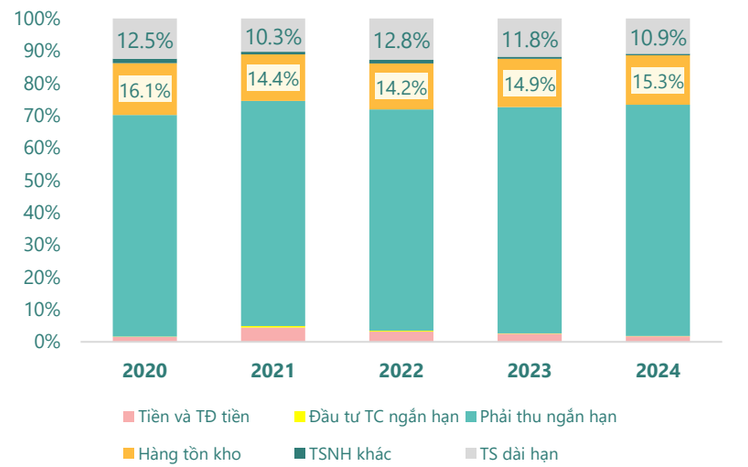

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

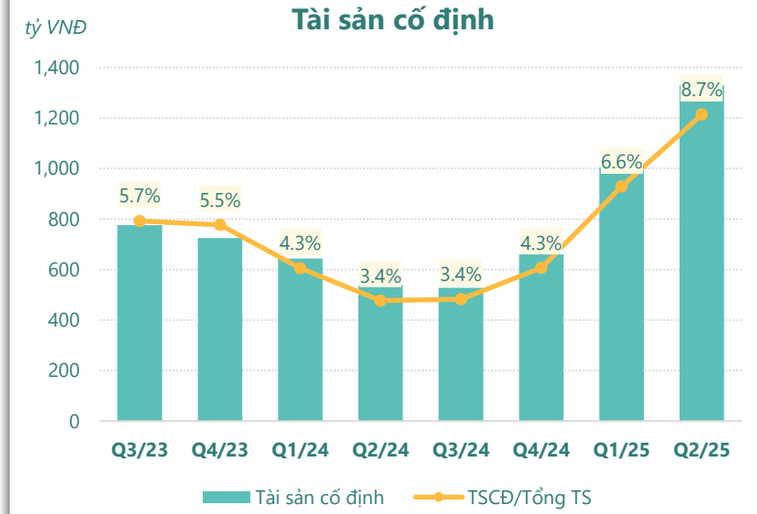

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

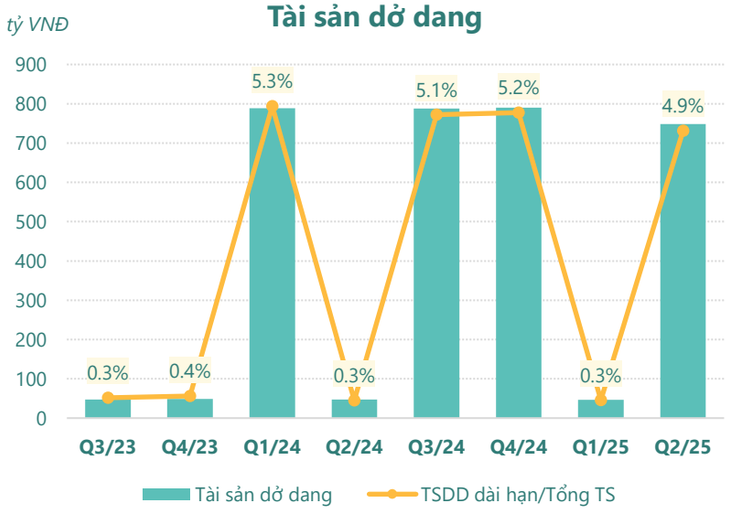

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

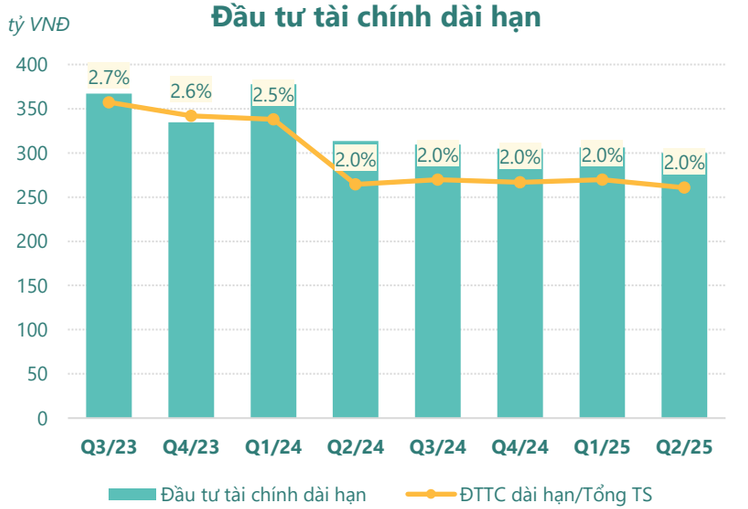

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

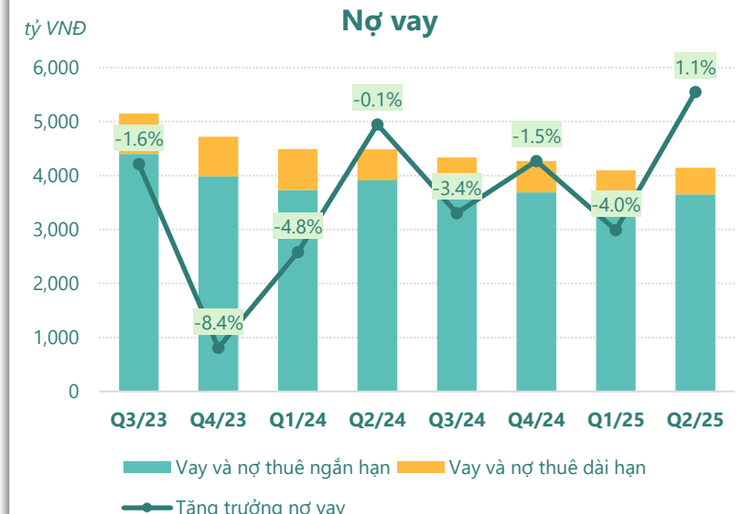

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

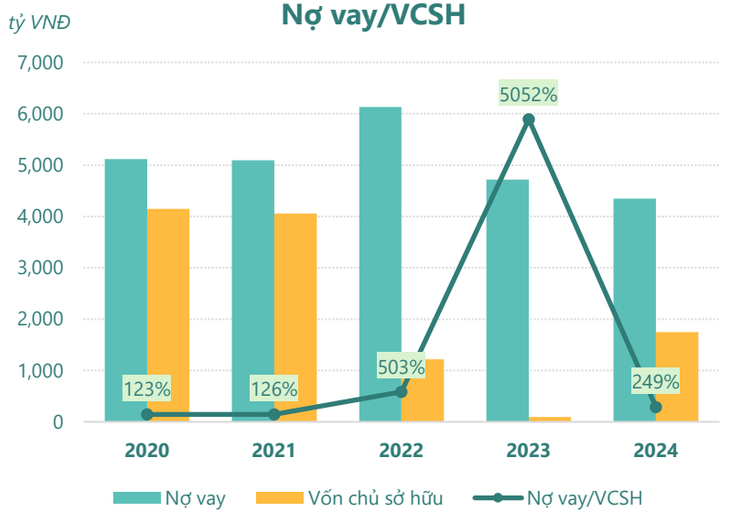

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

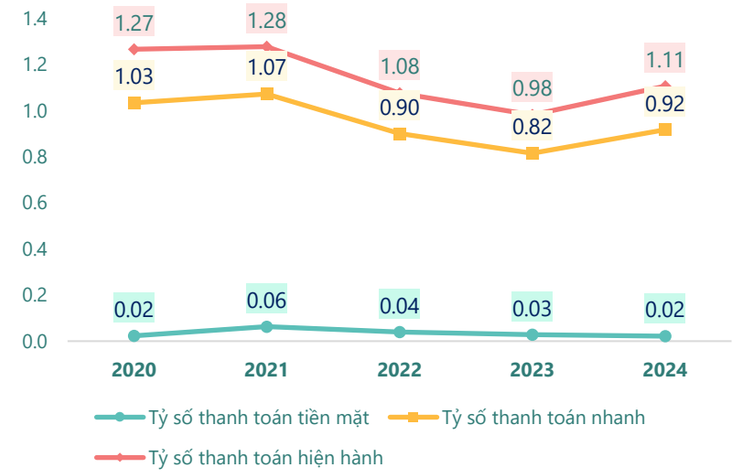

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

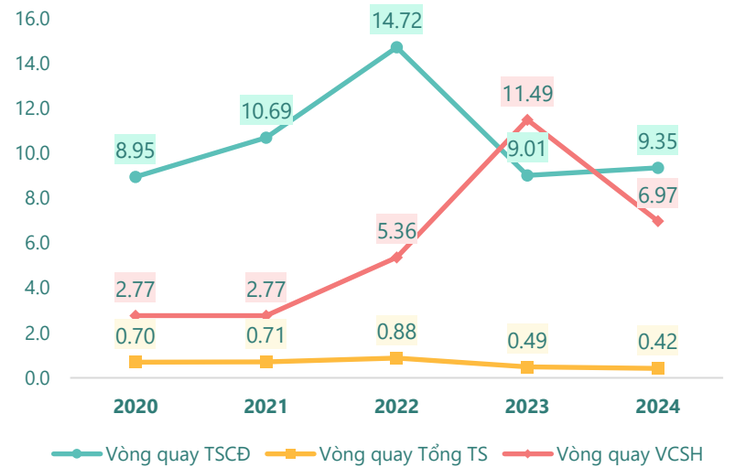

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

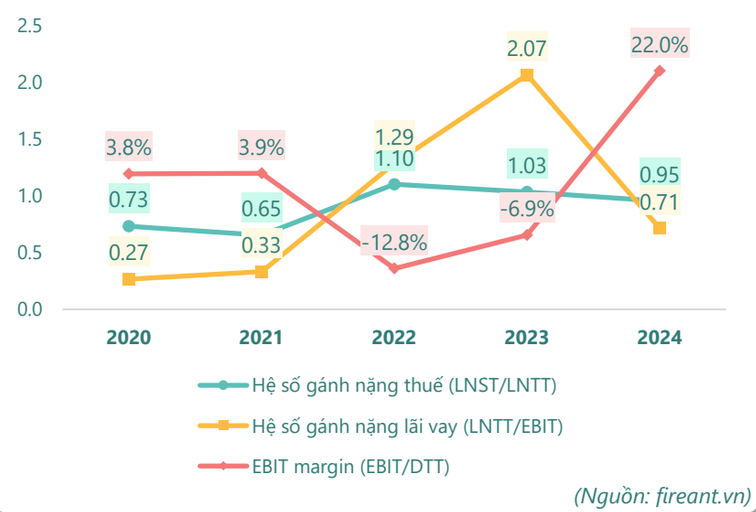

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

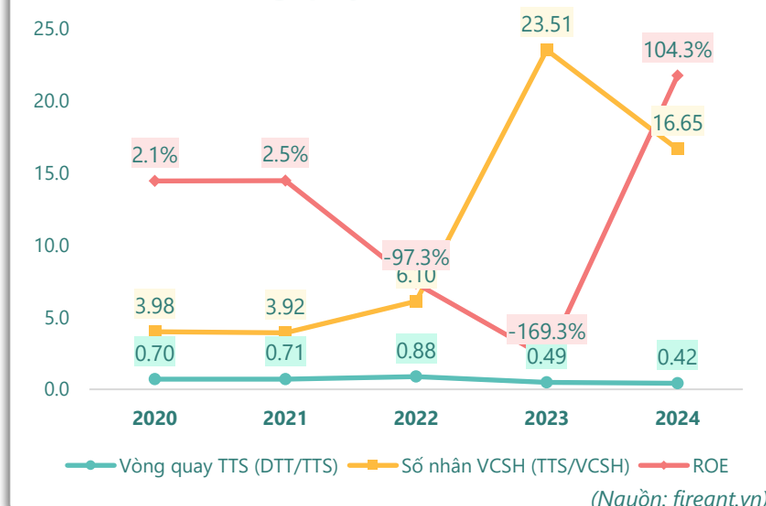

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

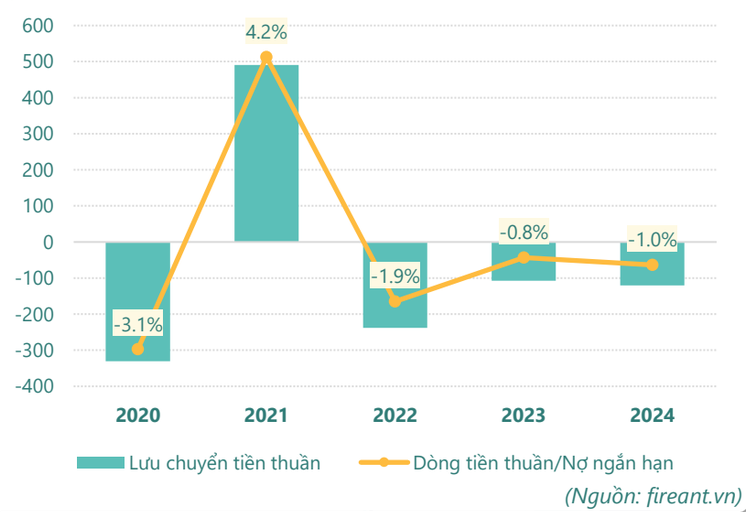

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**944**	**2,161**	**-56.3%**	**1,636**	**3,812**	**-57.1%**
Giá vốn hàng bán	880	2,077	-57.6%	1,519	3,707	-59.0%
Lợi nhuận gộp	64.7	84.3	-23.2%	117	106	10.9%
Doanh thu HĐTC	46.1	81.7	-43.6%	56.9	195	-70.9%
Chi phí TC	94.5	130	-27.3%	191	230	-16.8%
Chi phí lãi vay	93.2	131	-28.8%	190	230	-17.5%
LN trong công ty LKLD	**-0.66**	**-19.9**	**96.7%**	**0.32**	**-18.4**	**102%**
Chi phí bán hàng	7.01	6.55	7.1%	14.3	13.2	8.5%
Chi phí QLDN	**112**	**-226**	**150%**	**72.2**	**-247**	**129%**
LN thuần từ HĐKD	-103	235	-144%	-103	287	-136%
Lợi nhuận khác	**154**	**552**	**-72.1%**	**164**	**555**	**-70.5%**
LN trước thuế	50.7	787	-93.6%	60.2	841	-92.8%
Lợi nhuận sau thuế	**46.0**	**773**	**-94.1%**	**51.4**	**830**	**-93.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**50.9**	**771**	**-93.4%**	**56.3**	**829**	**-93.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	211	-69.8	-190	370	408	298
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-56.7	65.5	181	-169	-383	-389
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-228	-5.53	-151	-63.3	-157	57.0
Tiền đầu kỳ	389	315	305	144	268	136
Lưu chuyển tiền thuần	**-73.8**	**-9.86**	**-160**	**138**	**-132**	**-34.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.09	0	-0.09	0	0.00
Tiền cuối kỳ	315	305	144	282	136	101

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**15,339**	**15,412**	**-0.5%**
Tài sản ngắn hạn	12,388	13,735	-9.8%
Tiền và tương đương tiền	101	268	-62.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.76	14.1	-73.4%
Phải thu ngắn hạn	10,054	11,012	-8.7%
Hàng tồn kho	2,140	2,357	-9.2%
Tài sản ngắn hạn khác	89.3	83.0	7.6%
Tài sản dài hạn	**2,952**	**1,677**	**76.0%**
Phải thu dài hạn	132	256	-48.5%
Tài sản cố định	1,329	660	101%
Bất động sản đầu tư	164	164	-0.2%
Tài sản dở dang	748	48.2	1453%
Đầu tư tài chính dài hạn	300	305	-1.7%
Tài sản dài hạn khác	**270**	**232**	**16.4%**
Lợi thế thương mại	9.17	12.3	-25.2%
Nợ phải trả	13,570	13,664	-0.7%
Nợ ngắn hạn	**12,342**	**12,411**	**-0.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,653	3,818	-4.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	4,264	4,171	2.2%
Nợ dài hạn	1,227	1,253	-2.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	490	532	-7.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,769**	**1,748**	**1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**1,769**	**1,748**	**1.2%**
Vốn điều lệ	3,472	3,472	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)